

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/DS-ST

Ngày: 25-11-2019

V/v Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tô Thị Lành.
2. Ông Quách Đình Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị T; địa chỉ: 44/187 đường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà T có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2; địa chỉ: 142 đường L, tổ dân phố 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Ông H1 có mặt và bà H2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-6-2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đoàn Thị T trình bày:*

Vì cần vốn để nấu tiệc cho các dịch vụ đám cưới nên ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2 đã liên hệ với bà để vay tiền.

Ngày 10-6-2016, bà cho ông H1 và bà H2 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng, thời hạn trả tiền gốc là tháng 12 năm 2016 (âm lịch). Vì tin tưởng ông H1 và bà H2 nên khi giao 150.000.000 đồng, bà

chỉ yêu cầu bà H2 viết giấy vay tiền. Sau đó, bà H2 đã trả cho bà tiền lãi của tháng 6 và tháng 7 năm 2016, tổng cộng 15.000.000 đồng.

Bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông H1 và bà H2 không trả cho bà tiền gốc và số tiền lãi còn lại.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H1 và bà H2 phải trả cho bà 150.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tính từ ngày 10-8-2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Tại bản khai ngày 25-11-2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Nguyễn H1 trình bày:

Khi bà Võ Thị H2 vay tiền của bà Đoàn Thị T, ông không biết. Tuy nhiên, ông thừa nhận khoản nợ 150.000.000 đồng của bà T là nợ chung của ông và bà H2. Do làm ăn kinh tế khó khăn nên ông và bà H2 chưa trả được tiền nợ gốc và nợ lãi cho bà T. Hiện tại, bà H2 nợ tiền của rất nhiều người và ông cũng không có tiền để trả cho bà T. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà T theo quy định của pháp luật.

3. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bà Võ Thị H2. Tuy nhiên, bà H2 không đến Toà án để tham gia tố tụng. Do vậy, bà H2 không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T, buộc ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2 phải trả cho bà Đoàn Thị T 150.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật, ông H1 và bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Bà Đoàn Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2, ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2 có nơi cư trú tại thành phố P nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn là bà Võ Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để bà Võ Thị H2 tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Võ Thị H2.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 10-6-2016, ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2 vay của bà Đoàn Thị T 150.000.000 đồng, thời hạn vay là đến tháng 12 năm 2016 (âm lịch) sẽ trả số tiền vay, lãi suất hai bên tự thỏa thuận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T giao nộp chứng cứ là “*giấy mượn tiền*” đề ngày 10-6-2016, có nội dung bà H2 xác nhận rằng, ngày 10-6-2016, bà vay bà T 150.000.000 đồng (*bút lục số 38*).

Tham gia tố tụng, ông H1 thừa nhận: Khi bà H2 vay tiền của bà T, ông không biết. Tuy nhiên, ông thừa nhận khoản nợ 150.000.000 đồng là nợ chung của ông và bà H2. Do gặp khó khăn trong làm ăn nên ông và bà H2 chưa trả cho bà T 150.000.000 đồng nợ gốc.

Xét, hợp đồng vay tài sản giữa bà T và ông Hà, bà H2 được giao kết hợp pháp, nên nó phát sinh hiệu lực, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Nhưng vì ông H1 và bà H2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên bà T khởi kiện là có căn cứ.

Hội đồng xét xử sẽ xử buộc ông H1 và bà H2 phải trả cho bà T 150.000.000 đồng nợ gốc.

Bà T yêu cầu ông H1 và bà H2 phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, tính trên số nợ gốc 150.000.000 đồng. Yêu cầu này của bà T hoàn toàn phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật về dân sự, nên được chấp nhận. Do vậy, tiền lãi mà ông H1 và bà H2 phải trả cho bà T được tính như sau:

Từ ngày 10-6-2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3 năm 5 tháng 16 ngày; mức lãi phải trả là 0,75%/tháng (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước). Số tiền lãi phải trả là: 150.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 1.261 ngày = 47.287.500 đồng.

Bà T đã nhận 15.000.000 đồng tiền lãi của bà H2, số tiền này được khấu trừ vào số tiền lãi mà ông H1 và bà H2 phải trả, như vậy ông H1 và bà H2 phải trả cho bà T 32.287.500 đồng tiền lãi.

Như vậy, tổng số nợ gốc và nợ lãi mà ông H1 và bà H2 phải trả cho bà T là: 150.000.000 đồng + 32.287.500 đồng = 182.287.500 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông H1 và bà H2 phải chịu 9.114.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 281, 283, 298, 471, 474 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị T.

Buộc ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2 phải liên đới trả cho bà Đoàn Thị T 182.287.500 đồng (*trong đó có 150.000.000 đồng nợ gốc và 32.287.500 đồng nợ lãi*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn H1 và bà Võ Thị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.114.000 đồng.

Bà Đoàn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị T 5.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001527 ngày 07-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn H1 có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bà Võ Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa, nên bà Võ Thị H2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền